

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 64 /2020/ HS- ST

Ngày: 27-11- 2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Sáu; Ông Trần Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Lan- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bím Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bím Sơn tham gia phiên tòa:

Bà Đỗ Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bím Sơn tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60 /2020/HSST ngày 27 tháng 10 năm 2020 đối với:

- Bị cáo: TRỊNH VIỆT Đ, sinh ngày 11 tháng 12 năm 1985 tại: B , T ; nơi cư trú: Khu phố 3, phường P , thị xã B , tỉnh T ; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không, quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trịnh Văn N sinh năm 1960 và bà: Nghiêm Thị H sinh năm 1965 ; bản thân chưa có vợ; con.

Tiền án: không; tiền sự: 01 tiền sự (ngày 24/6/2020, bị công an phường Đ, thị xã B xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy

(phạt tiền); Bị tạm giữ tạm giam từ ngày 31/8/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ, tạm giam Công an thị xã B , tỉnh T (có mặt)

***Người bị hại :** Cháu Phạm Ngọc T sinh năm 2004

Trú tại: Thôn N , xã T , huyện N , tỉnh T

(vắng mặt)

***Người đại diện hợp pháp cho cháu Trọng:**

Chị Trịnh Thị L sinh năm 1974

Là mẹ đẻ của cháu Phạm Ngọc T

Trú tại: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh T (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Việt Đ là đối tượng nghiện chất ma túy. Do đang cần tiền tiêu sài nên khoảng 10 giờ ngày 10/8/2020, Đức thấy anh Phạm Ngọc T (là người bán hàng đồ gỗ tại cửa hàng thuê mặt bằng của gia đình Đ) dựng chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36AA-233.34 ở trước cửa quán, Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy của anh Trọng bằng cách mượn xe, đem đi gửi làm tin vay tiền tiêu sài. Đ nói với anh T: “Em ơi, cho anh mượn xe máy đi mua tí đồ, lát anh về”. Anh T tin tưởng vì Đ là con trai ông N chủ nhà mà anh H là chú của T đang thuê cửa hàng để kinh doanh nên đồng ý đưa chìa khóa cho Đ mượn xe. Mượn được xe, Đ một mình điều khiển xe máy đến quán sửa xe của anh Mai Văn B ở ki ốt số 05, đường C, khu phố 10, phường N, thị xã B. Đ nói với B cho gửi xe máy lại và vay 1.500.000đ. Do Đ và B quen biết nhau từ trước, mặt khác Đ đã để xe lại làm tin nên B đồng ý, vào nhà lấy 1.500.000đ cho Đ vay. Đ đưa chìa khóa xe máy của T cho B rồi cầm tiền đi bộ ra phía ngã tư phường N.

Khoảng 15 giờ cùng ngày(10/8/2020), Đức mượn điện thoại di động gọi về cho ông Trịnh Văn N là bố đẻ của Đ, nhờ ông N đưa điện thoại cho Đ gặp T và nói với T: “Anh đi sang nhà bác, tí anh về” để cho T yên tâm, tuy nhiên Đ không quay về trả xe như đã hứa với anh T mà ngay sau đó Đ đón xe ra thành phố T, tỉnh N chơi và đã tiêu sài hết số tiền 1.500.000đ.

Sau khi gửi xe của anh T lại làm tin để vay tiền, Đ đã trốn tránh không gặp anh T. Sau nhiều ngày không thấy Đ đem xe về trả, anh T đi tìm nhưng không được nên đã báo cáo Công an thị xã B. Ngày 31/8/2020, biết không thể trốn tránh, Đ đã đến Công an thị xã B đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMALLAV màu đỏ đen BKS 36AA-233 là của anh Phạm Ngọc T, sinh năm: 2004, trú tại: thôn N, xã T, huyện N, tỉnh T. Ngày 04/9/2020, Hội đồng định giá tài sản thị xã B định giá chiếc xe trên có giá là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Ngày 09/9/2020, Cơ quan CSĐT Công an thị xã B đã trả lại tài sản cho anh T. Anh T nhận xe và không có yêu cầu gì khác.

Mai Văn B khai nhận: Do có mối quan hệ quen biết với Đ và không biết chiếc xe mô tô BKS 36AA-233 là tài sản do phạm tội mà có nên B đã cho Đ vay 1.500.000 đồng không tính lãi còn Đ để xe mô tô lại làm tin. Khi được Công an thông báo, B đã tự nguyện giao nộp xe cho Cơ quan Công an để phục vụ điều tra và không yêu cầu Đ phải trả lại số tiền 1.500.000đ Đ vay của B.

Tại bản cáo trạng trạng số: 62 /CT-VKS-KT ngày 26 /10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B truy tố bị cáo Trịnh Việt Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bím sơn đề nghị HĐXX áp dụng điều 174; điểm i,s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 38 BLHS xử phạt bị cáo với mức án từ 9 đến 12 tháng tù. Không đề nghị áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo và đề nghị buộc bị cáo phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thị xã B, tỉnh T, điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh T, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Việt Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng truy tố. Căn cứ vào lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Do có ý định chiếm đoạt chiếc xe máy của anh Phạm Ngọc T, là nhân viên của cửa hàng đồ gỗ, thuê mặt bằng của gia đình Đ, vào khoảng 10 giờ ngày 10/8/2020, Đ đã mượn xe máy của T nói là đi mua đồ một lát, nhưng sau khi được anh T giao xe máy, Đ đã lẩn tránh không trả xe cho anh T mà mang xe đến quán sửa xe của anh Mai Văn B, gửi lại xe tại quán để vay anh B số tiền 1.500.000đ (*một triệu, năm trăm ngàn đồng*). Số tiền này, Đ tiêu sài cá nhân. Theo kết luận định giá tài sản của cơ quan điều tra công an thị xã B trị giá chiếc xe máy của anh T là: 7.500.000đ (*Bảy triệu, năm trăm ngàn đồng*). Vì vậy, hành vi nêu trên của Trịnh Việt Đ đã phạm vào tội: “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 điều 174 của BLHS.

[3] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo: HĐXX xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an trên địa bàn dân cư. HĐXX cần thiết xét xử bị cáo bằng một mức án nghiêm minh, nhằm răn đe giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thật thà thành khẩn, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên khi lượng hình được xem xét giảm nhẹ hình phạt theo các điểm I, s khoản 1 điều 51 của BLHS. Ngoài ra, HĐXX cũng xét bị cáo có tình tiết sau khi phạm tội đã đến cơ quan công an đầu thú nên được xem xét giảm nhẹ hình phạt theo khoản 2 điều 51 của BLHS. Ngoài ra, bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào.

[5] Xét về nhân thân. Bị cáo có nhân thân xấu là đối tượng nghiện chất ma túy đã từng bị xử lý hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nay phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản để lấy tiền tiêu sài cá nhân cho bản thân. Vì vậy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

[6] Về trách nhiệm Dân sự : Chiếc xe máy bị cáo chiếm đoạt của anh T đã được cơ quan điều tra thu hồi và trả lại cho người bị hại. Người bị hại và đại diện gia đình không có yêu cầu gì thêm nên không xét. Đối với việc Đức để lại chiếc xe máy cho anh Mai Văn B để vay số tiền 1.500.000đ, anh Mai Văn B không yêu cầu gì thêm nên không xét.

[7] Về án phí: Bị cáo Trịnh Việt Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Áp dụng: Khoản 1 Điều 174, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS;

Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Việt Đ phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt: Bị cáo 10 (mười) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam(31/8/2020).

II- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 và mục 1 phần I danh mục án phí ban hành kèm theo. Buộc bị cáo Trịnh Việt Đ phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo Trịnh Việt Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại anh Phạm Ngọc T , người đại diện hợp pháp cho người bị hại chị L (là mẹ đẻ của anh T) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND thị xã Bỉm Sơn;
- Công an thị xã Bỉm Sơn;
- Thi hành án HS; dân sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Hương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND thị xã Bỉm Sơn;
- Công an thị xã Bỉm Sơn;
- Thi hành án HS; dân sự;
- Bị cáo;
- người bị hại
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Hương

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Bim Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Nhà tạm giam công an thị xã Bim Sơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bim Sơn;
- Thi hành án Hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Hương